

Số: /2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 14 tháng 5 năm 2026

DỰ THẢO LẦN 2

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn
kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2000/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;

Thực hiện Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;

Xét Tờ trình số 282/TTr-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 97/BC-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật và Điều 1 Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ

trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

1. Mức chi công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

a) Đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương không cần phải khảo sát, khảo nghiệm: 20.000.000 đồng/dự thảo;

b) Đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương cần phải khảo sát, khảo nghiệm: 45.000.000 đồng/dự thảo.

2. Mức chi lập dự án quy chuẩn kỹ thuật địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt: 1.500.000 đồng/dự án.

3. Mức chi thuê chuyên gia trong nước: Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

4. Mức chi thuê chuyên gia nước ngoài: Trong trường hợp phát sinh nhu cầu thuê chuyên gia nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

5. Mức chi lấy ý kiến nhận xét của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 500.000 đồng/thành viên/dự thảo.

6. Mức chi mua vật tư, văn phòng phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, tiêu chuẩn, quy trình, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho việc xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành và các báo giá liên quan.

7. Mức chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

a) Chủ trì cuộc họp: 600.000 đồng/người/buổi;

b) Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

8. Mức chi mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, ngoài nước về các nội dung của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Tùy theo từng lĩnh vực cụ thể thực hiện theo yêu cầu thực tế phát sinh và các báo giá liên quan.

9. Mức chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 500.000 đồng/01 báo cáo phản biện hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.

10. Mức chi họp hội đồng thẩm tra, thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- a) Chủ tịch Hội đồng 1.000.000 đồng/người/buổi;
- b) Thành viên Hội đồng 500.000 đồng/người/buổi.

11. Mức chi xây dựng thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương, tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương; mức chi cho công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương; mức chi dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch tiếng Việt sang tiếng nước ngoài; mức chi cho hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương; mức chi công tác phí: Thực hiện theo quy định hiện hành của địa phương.

12. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Thực hiện theo các văn bản quy định tương ứng của trung ương và địa phương.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

- 1. Nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của địa phương theo phân cấp hiện hành.
- 2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

- 1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.
- 2. Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

- 1. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng đang trong quá trình thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo các mức chi

quy định tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ và thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Trường hợp các nhiệm vụ đã được phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương nhưng chưa triển khai thực hiện và chưa phát sinh các khoản chi cụ thể tính đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực, thì thực hiện mức chi quy định tại Nghị quyết này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều